|  |  |
| --- | --- |
| ĐẢNG BỘ TỈNH NINH THUẬN**THÀNH ỦY PHAN RANG - THÁP CHÀM****\*** | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** |

**PHỤ LỤC 1**

**Các văn bản chỉ đạo, điều hành của Thành ủy, UBND Thành phố về kết quả thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn” đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

 *(Kèm theo Báo cáo số 1064-BC/TU, ngày 06/3/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy)*

**-----**

| **STT** | Văn bản ban hành | Ngày ban hành | **Trích yếu nội dung** |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Văn bản chỉ đạo của Thành ủy*** |
| 1 | Số 47-KH/TU | 08/4/2021 | Kế hoạch về nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Thành Hải giai đoạn 2021-2025. |
| 2 | Số 202-KH/TU | 14/02/2023 | Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” |
| 3 | 208-KH/TU | 27/02/2023 | Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 155-CTr/TU, ngày 21/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. |
| 4 | 128-CTr/TU | 15/4/2022 | Chương trình hành động về thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 13/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. |
| 5 | 219-KH/TU | 21/3/2023 | Kế hoạch kiểm tra tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 36-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng đối với hoạt động của Hội Nông dân thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. |
| ***Văn bản chỉ đạo, triển khai của UBND thành phố*** |
| 01 | Số 76/KH-UBND | 12/3/2023 | Kế hoạch Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 154-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 |
| 02 | Số 1389/UBND-TH | 01/4/2023 | Công văn triển khai thực hiện Kế hoạch số 1328/KH-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc triển khai nhiệm vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao năm 2023 |
| 03 | Số 1390/UBND-TH | 10/4/2023 | Công văn chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 1332/KHUBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh về đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo |
| 04 | Số 3154/UBND-KT | 20/7/2023 | Công văn chỉ đạo triển khai các văn bản thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ |
| 05 | Số 324/KH-UBND | 29/9/2023 | Kế hoạch Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố |
| 06 | Số 4121/QĐ-UBND | 23/11/2023 | Quyết định Thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ, nghiệm thu khối lượng hỗ trợ đầu tư trang thiết bị, ứng dụng công nghệ cao trong chế biến và bảo quản sản phẩm nông nghiệp |
| 07 | Số 4556/QĐ-UBND | 19/12/2023 | Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư trang thiết bị ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản sản phẩm nông nghiệp theo Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận |
| 08 | Số 11-KH/HNDTP | 15/01/2024 | Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 37/2023/NQQ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân |

|  |  |
| --- | --- |
| ĐẢNG BỘ TỈNH NINH THUẬN**THÀNH ỦY PHAN RANG - THÁP CHÀM****\*** | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** |

**PHỤ LỤC 2**

**Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII**

**về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn” đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

 *(Kèm theo Báo cáo số 1064-BC/TU, ngày 06/3/2025 của Thành ủy)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Chỉ tiêu đến năm 2025** | **Kết quả thực hiện** | **Chỉ tiêu đến năm 2030** |
| **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Năm 2024** |
| 1 | Tốc độ tăng trưởng Nông nghiệp | % | 5-6 | 3,9 | 4 | 3,75 | **2-3** |
| 2 | Tốc độ tăng trưởng Công nghiệp, dịch vụ | % | 11-12 | 12,2 | 10,1 | 11 | **11-12** |
| 3 | Năng suất lao động nông nghiệp  | % | 9-10 | 7,2 | 7,9 | 8,1 | **11-12** |
| 4 | Xây dựng xã Thành Hải đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu | năm | 2024 | - | - | Đạt chuẩn |  |
| 5 | Thu nhập bình quân của người dân nông thôn | So với năm 2020 | 1,7 | 1,1 | 1,2 | 1,35 | **2,5** |
| 6 | Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch | % | 100 | 100 | 100 | 100 | **100** |
| 7 | Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo | % | 85 | 80 | 80 | 82 | **90** |
| 8 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định | % | 100 | 100 | 100 | 100 | **100** |

|  |  |
| --- | --- |
| ĐẢNG BỘ TỈNH NINH THUẬN**THÀNH ỦY PHAN RANG - THÁP CHÀM****\*** |  **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** |

**PHỤ LỤC 3**

**CÁC MÔ HÌNH LIÊN KẾT SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**

 *(Kèm theo Báo cáo số 1064-BC/TU, ngày 06/3/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy)*

**-----**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên mô hình** | **Địa điểm** | **Phạm vi liên kết** | **Quy mô, diện tích (ha)** | **Số hộ tham gia** | **Sản lượng (tấn)** | **Các bên tham gia liên kết** | **Doanh nghiệp** | **Hiệu quả** |
| 1 | Mô hình liên kết sản xuất Nho | Phường Văn Hải | Sản xuất, tiêu thụ | 20 | 50 | 300 | HTX, hộ dân | HTX Nho Evergreen | Các hộ tham gia liên kết có thu nhập ổn định, lâu dài, yên tâm tiếp tục đầu tư sản xuất trong thời gian tới |
| 2 | Mô hình liên kết chuỗi giá trị Nha đam | Phường Văn Hải | Sản xuất, tiêu thụ | 50 | 232 | 8.910 | Doanh nghiệp, hộ dân | Công ty cổ phần Cánh đồng Việt | Các hộ tham gia liên kết có thu nhập ổn định, lâu dài, yên tâm tiếp tục đầu tư sản xuất trong thời gian tới |
| 3 | Chuỗi liên kết chăn nuôi bò | Xã Thành Hải | Chăn nuôi, giết mổ, tiêu thụ | 380 | 02 | 84,4 | Cơ sở giết mổ, thương lái |  | Giúp người dân không lo về kinh phí mua con giống và mạng lại nguồn thu nhập ổn định |
| 4 | Chuỗi liên kết chăn nuôi vịt chạy đồng | Xã Thành Hải | Chăn nuôi, tiêu thụ | 72 | 80 | 1.296 | Hộ chăn nuôi, thương lái |  | Đảm bảo thu mua lại theo giá thị trường, thu hồi lại chi phí đầu tư |
| 5 | Chuỗi liên kết chăn nuôi dê, cừu thịt vỗ béo | Phường Đô Vinh | Chăn nuôi, giết mổ, tiêu thụ | 1.300 | 200 | 39 | Cơ sở giết mổ, thương lái |  | Giúp người dân không lo về kinh phí mua con giống và mạng lại nguồn thu nhập ổn định |